

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 31/03 - 04/04/2025

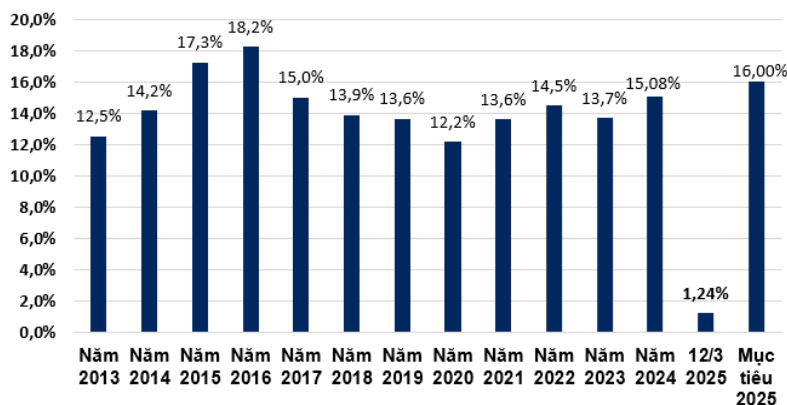


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua



Việt Nam: Đề xuất tiếp tục giảm thuế GTGT 2% đến hết năm 2026

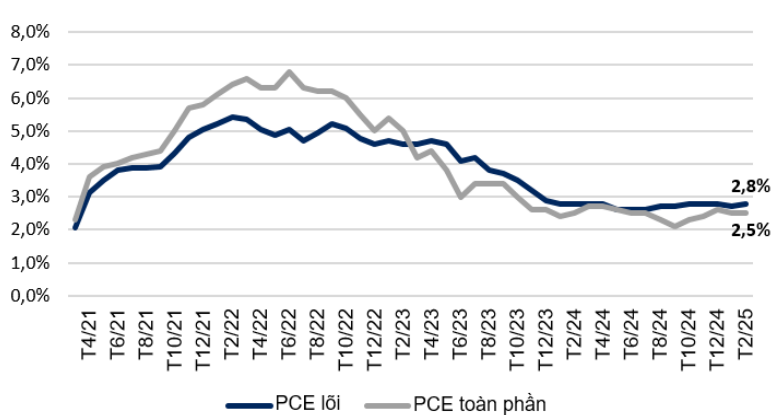
Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống



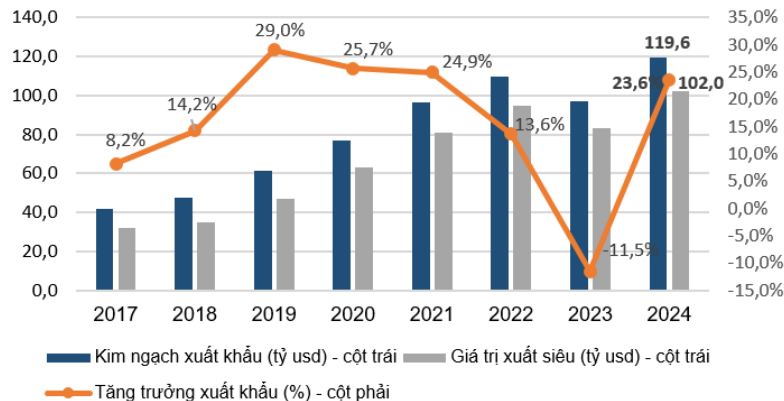
- Bộ tài chính đề xuất tiếp tục giảm thuế giá trị gia tăng 2% từ 1/7/2025 đến 31/12/2026.
 - Tăng trưởng tín dụng tính đến ngày 12/3 tăng 1,24% so với cuối năm 2024, khởi sắc hơn so với cùng kỳ năm 2024.
- Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện giảm thuế giá trị gia tăng 2% nhằm kích cầu tiêu dùng, phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện nay, qua đó hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, du lịch, tiêu dùng trong nước phát triển. Theo đó dự thảo đề xuất tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 1/7/2025 đến 31/12/2026, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng). Trước đó Quốc hội đã quyết định giảm 2% thuế suất thuế GTGT trong giai đoạn từ năm 2022 đến 6 tháng đầu năm 2025.
- Theo số liệu của Ngân hàng nhà nước (NHNN), tính đến ngày 12/3, tín dụng toàn nền kinh tế đã tăng 1,24% so với cuối năm 2024. Theo quy luật, tín dụng đầu năm thường giảm, nhưng đầu năm 2025, tăng trưởng tín dụng có dấu hiệu khởi sắc hơn so với cùng kỳ năm 2024 (cùng kỳ T2/24 giảm 0,74%). Để tạo thuận lợi cho các Tổ chức tín dụng (TCTD), tại thời điểm cuối năm 2024, NHNN đã giao ngay chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025 là khoảng 16% để các TCTD chủ động, đáp ứng nhu cầu vốn của người dân, doanh nghiệp, nền kinh tế. Hiện tại NHNN tiếp tục yêu cầu giữ ổn định lãi suất tiền gửi và cho vay, đồng thời kêu gọi các TCTD nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN.

Thế Giới: PCE tháng 2 của Mỹ tăng cao hơn dự báo

PCE của Mỹ



Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Mỹ



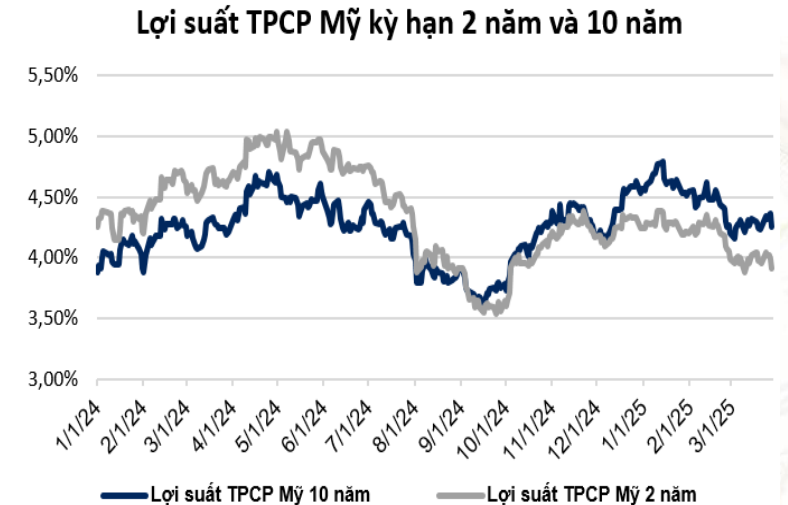
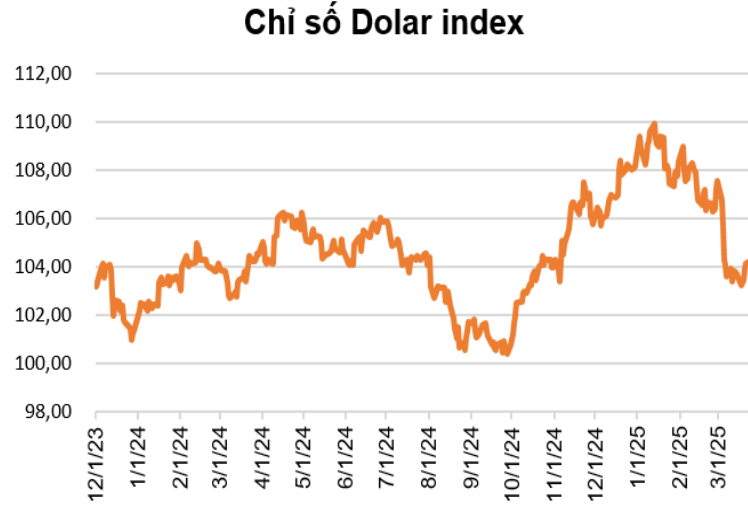
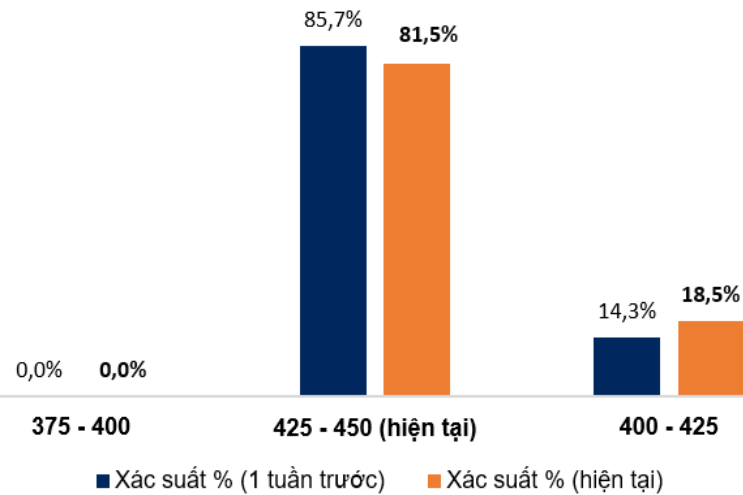
- Chỉ số PCE toàn phần và PCE lõi T2/25 của Mỹ tăng lần lượt 2,5% yoy và 2,8% yoy, cao hơn so với mức dự báo tăng 2,5% yoy và 2,7% yoy.
- Mỹ sẽ áp mức thuế 25% đối với tất cả các loại xe ô tô không được sản xuất tại Mỹ, trong khi mức thuế đối ứng ban đầu có thể nhẹ hơn dự kiến ban đầu.
- Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) T2/25 của Mỹ tăng cao hơn dự báo. Trong đó PCE toàn phần tăng 0,3% mom và tăng 2,5% yoy, khớp với dự báo của các chuyên gia và đi ngang so với mức tăng của cùng kỳ trong T1/25. Trong khi PCE lõi T2/25 tăng 0,4% mom và tăng 2,8% yoy, cao hơn so với dự báo tăng 0,3% mom và 2,7% yoy của các chuyên gia, đồng thời nhích tăng với mức tăng 2,7% yoy của T1/25. Thu nhập trung bình của người lao động Mỹ trong T2/25 tăng 0,8% mom, cao hơn mức dự báo tăng 0,4% mom trong khi chi tiêu trung bình tăng 0,4% mom, thấp hơn so với mức dự báo tăng 0,5% mom của các chuyên gia.
- Phát biểu tại 1 cuộc họp báo ngày 26/3, Tổng thống Donald Trump cho biết, Mỹ sẽ áp mức thuế 25% đối với tất cả các loại xe ô tô không được sản xuất tại Mỹ và bắt đầu được áp dụng từ ngày 3/4 - một ngày sau khi cơ chế thuế quan đối ứng của ông được công bố. Đây là động thái mới nhất của chính quyền Tổng thống Trump trong cuộc chiến thương mại với các nước khác, các quốc gia có thể bị ảnh hưởng nhiều nhất từ quyết định này bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc và Đức. Liên quan đến kế hoạch đánh thuế đối ứng ban đầu, theo kế hoạch ông Trump sẽ áp thuế quan “có đi có lại” với tất cả các quốc gia đang đánh thuế quan hoặc có chính sách thương mại gây bất lợi cho hàng hóa của Mỹ như việc áp thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên, ông Trump và các quan chức Nhà Trắng gần đây đã phát tín hiệu rằng thuế quan đối ứng được công bố ngày 2/4 có thể sẽ nhẹ nhàng hơn so với kế hoạch ban đầu của ông.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp T5/2025

81,5% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành và 18,5% dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 5.2025.

DXY đóng cửa ở mức 104,01 điểm, giảm 0,13% wow và giảm 4,13% so với đầu năm 2025 (ytd).

Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 3,91% giảm 4 bps wow và giảm 33 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,253% tăng 0,3 bps wow và giảm 31,6 bps ytd



Lợi suất TPCP Mỹ duy trì ở vùng thấp. Đà giảm mạnh của lợi suất TPCP Mỹ gần đây được cho là do các nhà quản lý danh mục thể chấp và công ty bảo hiểm đã mua vào TPCP Mỹ và các sản phẩm phái sinh như hoán đổi lãi suất để bù đắp tác động của việc tái cấp vốn thể chấp khi lãi suất giảm (cuộc họp tháng 5/2025 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 07/05/25 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 31/03/2025	Trung Quốc	Chỉ số PMI sản xuất và PMI dịch vụ tháng 3.2025
Thứ Ba 01/04/2025	Việt Nam	Chỉ số PMI sản xuất tháng 3.2025
	Mỹ	Chỉ số ISM PMI sản xuất tháng 3.2025
Thứ Sáu 04/04/2025	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 3.2025
		Chủ Tịch Fed Jerome Powell phát biểu
Chủ Nhật 06/04/2025	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 3 và Q1/2025

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế	- Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. - Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024	- Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. - Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. - Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. - Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

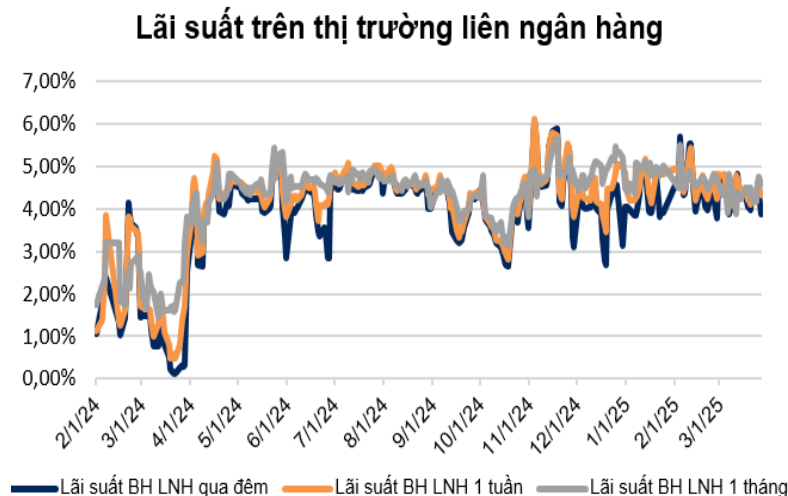
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

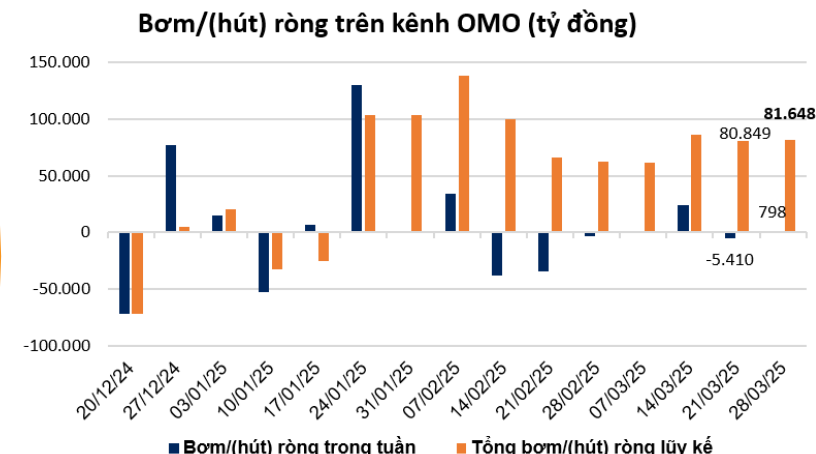


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Thị trường duy trì ổn định

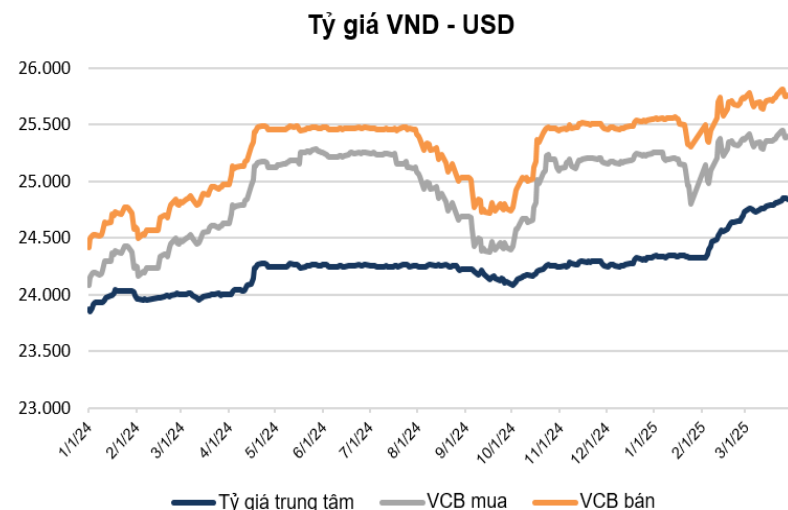
Lãi suất LNH biến động quanh vùng cân bằng. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 3,88% (- 9 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,34% (+ 24 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,6% (+ 24 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 27/03/2025)



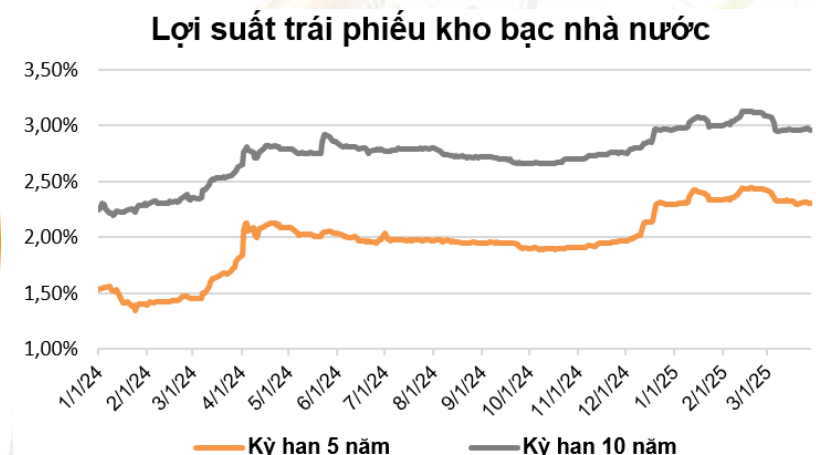
NHNN bơm ròng nhẹ trên kênh OMO. Kết tuần NHNN bơm ròng 798 tỷ đồng. Hiện tổng giá trị bơm ròng lũy kế là 81.648 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND ổn định. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.400 đ và 25.760 đ không đổi so với tuần trước và tăng 0,82% tính từ đầu năm 2025 (theo giá bán) (ytd). Tỷ giá trung tâm hiện là 24.843 đ, tăng 0,12% wow và tăng 2,09% ytd

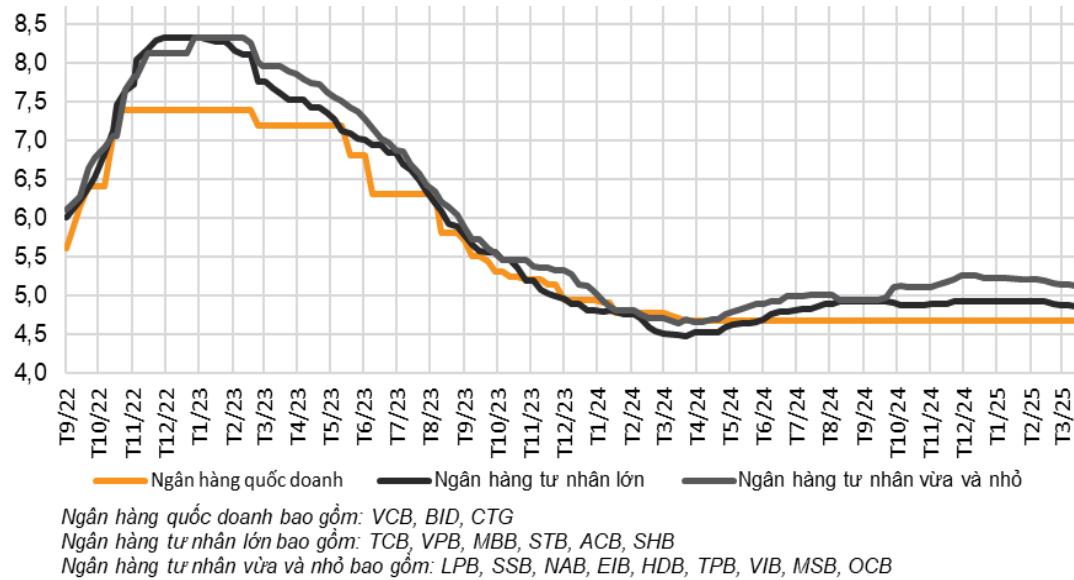


Lợi suất TP KBNN ổn định, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,96%, không đổi so với tuần trước và giảm 1 bps kể từ đầu năm 2025 (ytd), lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 2,3% không đổi so với tuần trước và tăng 1 bps ytd.

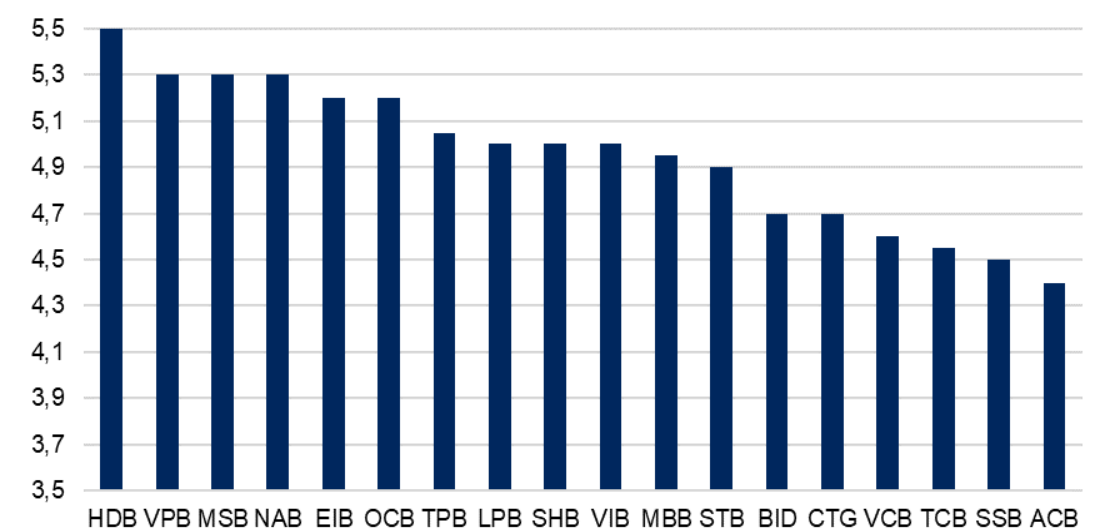


VPB, LPB, EIB giảm lãi suất kỳ hạn 12 tháng

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

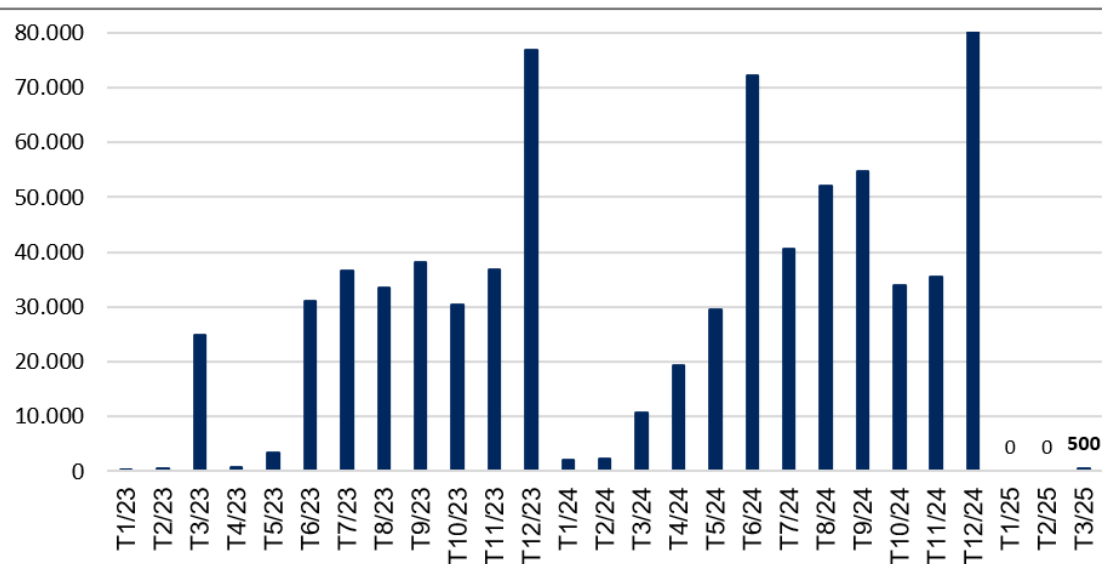


- Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH quốc doanh giữ nguyên tại 4,67%/năm. Bình quân lãi suất kỳ hạn 12 tháng của các NH tư nhân lớn giảm 0,02 điểm % xuống 4,85% và nhóm NH tư nhân nhỏ giảm 0,02 điểm % còn 5,12%.
- Trong tuần từ 21/03 – 28/03/2025, VPB, LPB và EIB giảm 0,1 điểm% lãi suất kỳ hạn 12 tháng. Ngoài ra, VPB còn giảm lãi suất tại các kỳ hạn 3 tháng (0,1 điểm %) và 6 tháng (0,1 điểm %).

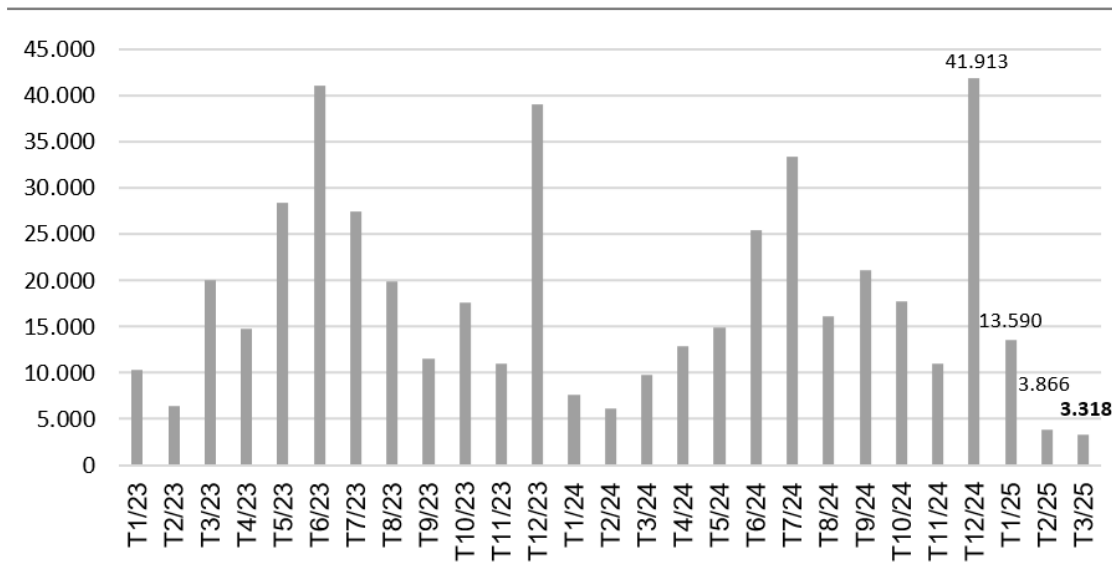
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) tiếp tục trầm lắng trong tháng 3

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 27/03/25



Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 27/03/25

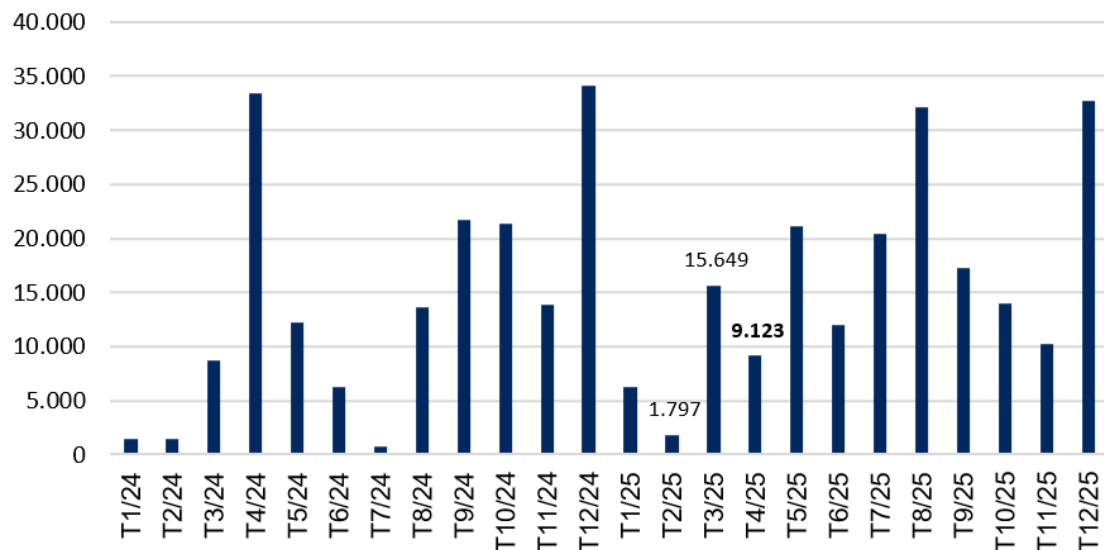


- Theo số liệu được công bố đến ngày 27/03/25, trong T3/25 chỉ có 1 đợt phát hành TPDNRL thành công với giá phát hành là 500 tỷ đồng, giảm 95,3% svck. Đây cũng là đợt phát hành TPDNRL duy nhất tính từ đầu năm 2025 cho đến nay, giảm mạnh so với tổng giá trị phát hành là 15,1 nghìn tỷ đồng trong 3 tháng đầu năm 2024.
- Hoạt động mua lại TPDNRL trước hạn cũng có sự chậm lại T3/25, với tổng giá trị TPDNRL được mua lại trước hạn trong T3/25 đạt hơn 3,3 nghìn tỷ đồng, giảm 14,1% so với tháng trước và giảm 66% svck. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2025 tổng giá trị TPDNRL được mua lại trước hạn đạt hơn 20,7 nghìn tỷ đồng, giảm 11,7% svck.

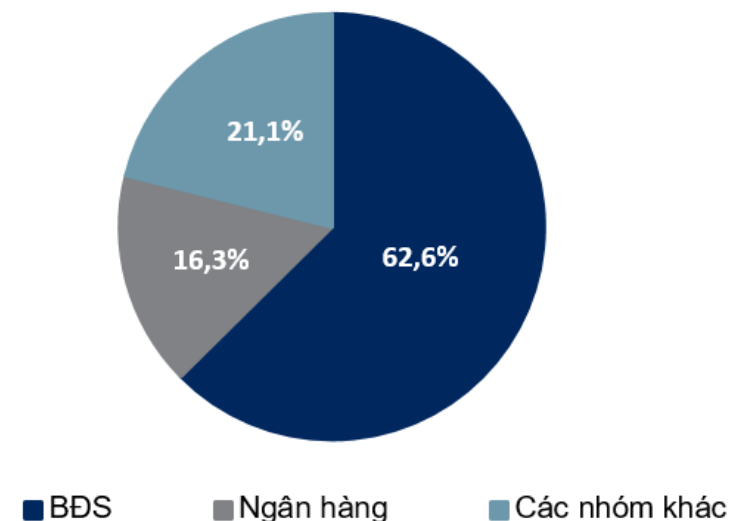
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực TPDN đáo hạn giảm trong tháng 4 trước khi gia tăng trở lại trong tháng 5

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 27/03/25



Ước tính cơ cấu TPDN đáo hạn theo ngành năm 2025 (thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn đến ngày 27/03/2025)



- Theo số liệu của chúng tôi trong T4/25 sẽ có khoảng hơn 9,1 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, giảm 41,7% so với tháng trước. Áp lực đáo hạn giảm trong T4/25 tuy nhiên sẽ gia tăng trở lại trong T5/25.
- Tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2025 ước khoảng hơn 192,4 nghìn tỷ đồng (đã loại trừ số TP đã được mua lại trước hạn và số TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 27/03/25). Trong đó nhóm BĐS là nhóm có giá trị đáo hạn lớn nhất với tổng giá trị đáo hạn là hơn 120 nghìn tỷ đồng, chiếm 62,6% tổng giá trị đáo hạn năm 2025. Đứng thứ 2 là nhóm Ngân hàng, với tổng giá trị đáo hạn là hơn 31 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,3% tổng giá trị đáo hạn năm 2025.

3.3 Thị trường Bất động sản

Dự kiến toàn quốc còn hơn 50% tỉnh thành sau sáp nhập

Theo dự thảo tờ trình Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi), số đơn vị hành chính cấp tỉnh sẽ giảm từ 63 hiện nay xuống còn hơn một nửa:

Đảng ủy Chính phủ sau đó thống nhất trình cấp có thẩm quyền phương án sáp nhập giảm 50% đơn vị hành chính cấp tỉnh và giảm 60-70% đơn vị cấp cơ sở so với hiện nay.

Dự kiến việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh trên cả nước sẽ hoàn tất trước 30/8 và đi vào hoạt động từ tháng 9. Đơn vị hành chính cấp xã sáp nhập xong trước 30/6 và vận hành xã phường mới từ 1/7.

Việc tinh gọn bộ máy, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp không chỉ đơn thuần là vấn đề điều chỉnh địa giới hành chính mà còn là điều chỉnh không gian kinh tế; điều chỉnh về phân công, phân cấp, điều chỉnh về phân bổ và kết hợp các nguồn lực kinh tế. Điều này nhằm tăng động lực giúp phát triển kinh tế xã hội hướng đến các mục tiêu được đề ra. Theo kế hoạch, Đảng ủy Chính phủ sẽ trình Bộ Chính trị đề án sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp để báo cáo Trung ương trước ngày 1/4.

3.3 Thị trường Bất động sản

Đề xuất tăng lợi nhuận chủ đầu tư nhà ở xã hội từ 10% lên 13%

Bộ Xây dựng đang lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội (NOXH):

Bộ Xây dựng đề xuất giao chủ đầu tư dự án NOXH không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để giảm thời gian thực hiện dự án.

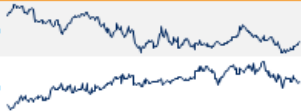
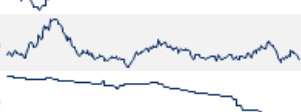
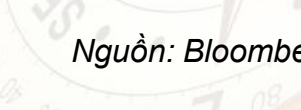
Hiện quy định về trình tự thủ tục, thời gian để phát triển một dự án nhà ở xã hội là khá lớn. Thông thường, phải mất gần 300 ngày để lựa chọn nhà đầu tư làm NOXH. Tại một số địa phương, như TPHCM, nếu triển khai linh hoạt các thủ tục song song và áp dụng thời gian thực hiện tối thiểu theo quy định thì tổng thời gian thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cũng là trên 200 ngày.

Việc đấu thầu để lựa chọn chủ đầu tư, mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất với pháp luật về đấu thầu, nhưng doanh nghiệp vẫn phải thực hiện các thủ tục hành chính và mất nhiều thời gian. Trong khi đó, lợi nhuận mang về từ đầu tư NOXH không đủ để hấp dẫn chủ đầu tư.

Hiện nay, chủ đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội bị khống chế lợi nhuận định mức là 10%. Tuy nhiên, con số đó không đủ hấp dẫn. Vì vậy chủ đầu tư đề xuất tăng lợi nhuận đầu tư NOXH lên mức 13%. Ngoài ra, Bộ Xây dựng giao chủ đầu tư dự án NOXH không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

3.4 Thị trường hàng hóa

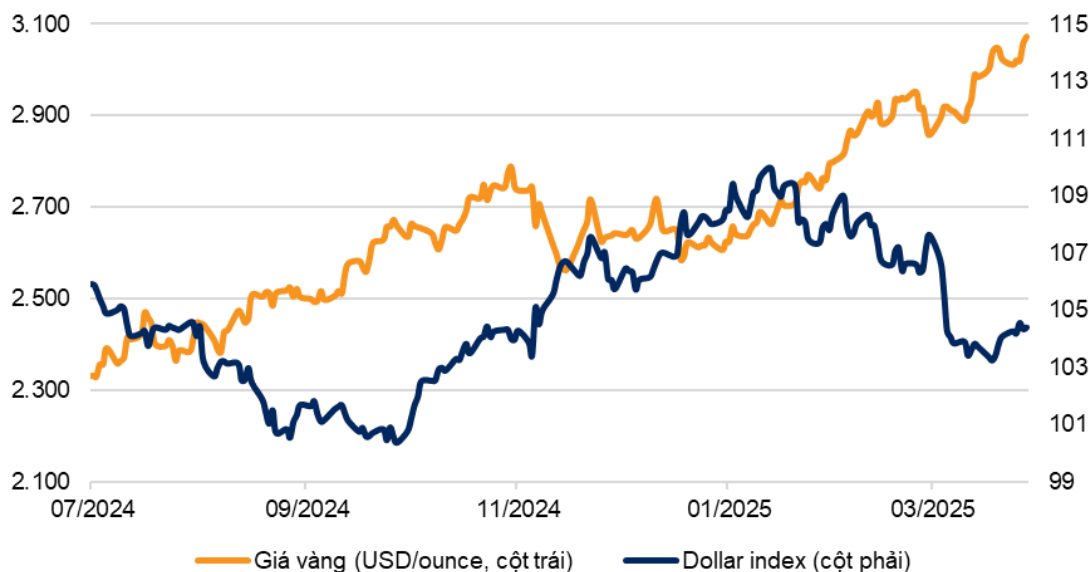
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 28/03/2025):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2025	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	2,04%	0,61%	-15,83%	-3,03%	
	Khi LNG	-3,62%	-4,35%	38,66%	-16,46%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	-0,26%	-5,19%	-25,06%	-22,35%	
	Quặng sắt	0,62%	-4,16%	-6,46%	1,06%	
	Đồng	0,15%	12,86%	27,15%	26,55%	
	Niken	1,08%	5,05%	-3,18%	8,04%	
	PVC	2,17%	4,75%	-11,77%	4,41%	
	Cao su	0,29%	-5,39%	3,44%	-9,40%	
	Gỗ	0,59%	7,09%	16,24%	25,81%	
Nông nghiệp	Urê	0,00%	-1,13%	12,00%	7,18%	
	Lúa Mỳ	-6,14%	-2,42%	-6,47%	-3,99%	
	Gạo tám 5%	0,60%	-1,19%	-32,15%	-21,68%	
	Đường	-3,60%	-2,56%	-15,59%	-3,65%	
	Thịt lợn	-6,04%	-7,65%	17,25%	4,17%	
Kim loại quý	Vàng thỏi	1,66%	7,50%	37,77%	15,59%	

3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng lập đỉnh mới giữa lo ngại về rủi ro chiến tranh thương mại và căng thẳng địa chính trị

Tính đến ngày 28/03, giá vàng thế giới đạt 3.072 USD/oz, tăng 1,7% sv tuần trước và 7,5% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 98,2-100,2 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua-bán, lần lượt tăng 3,7%/2,6% sv tuần trước

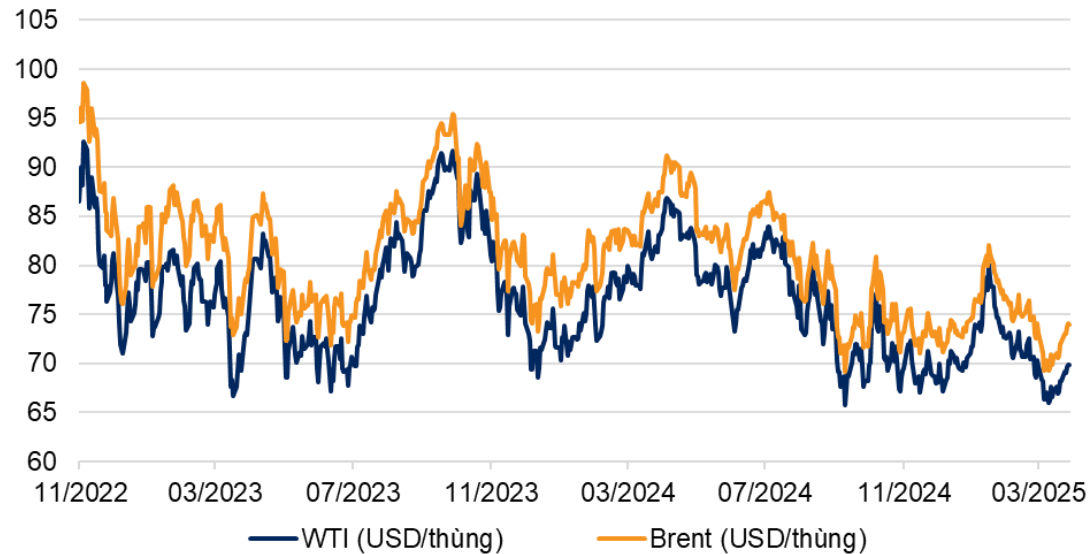


- Giá vàng thế giới tiếp tục tăng trong tuần qua, khi các nhà đầu tư tìm kiếm sự an toàn trong bối cảnh lo ngại về một cuộc chiến thương mại toàn cầu và căng thẳng địa chính trị. Các kế hoạch áp thuế quan sắp tới của Trump sẽ có hiệu lực từ ngày 2/4, gây lo ngại về lạm phát tăng và căng thẳng thương mại với các nước bị áp thuế. Trong khi đó, tình hình căng thẳng giữa Nga-Ukraine, Israel-Hamas vẫn chưa đến hồi kết.
- Trong nước, giá vàng miếng cũng duy trì đà tăng. Giá vàng SJC bán ra vào phiên chiều ngày 28/03 đã vượt mức 100 triệu đồng/lượng. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 28/03 ở mức 5,6 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 25.550).

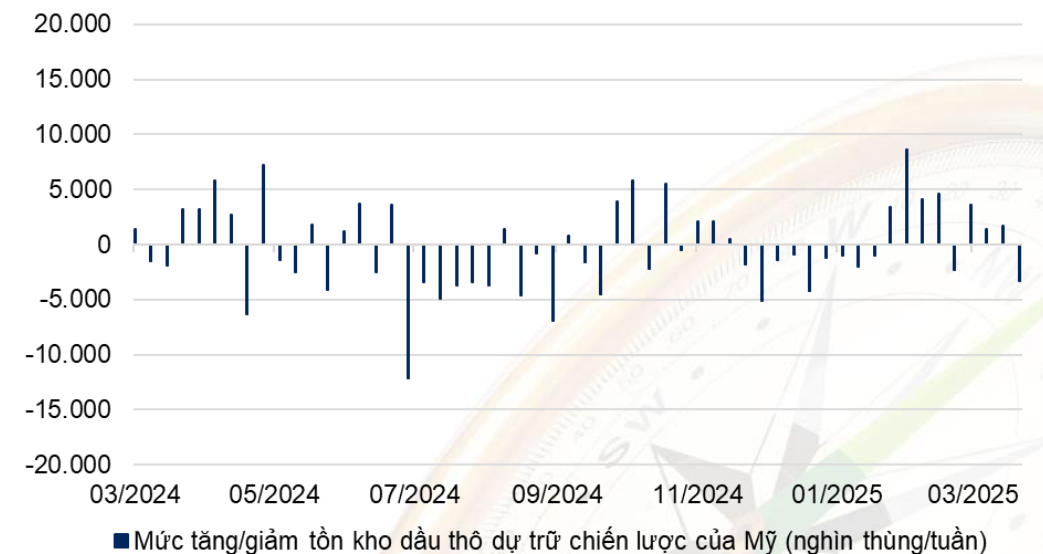
3.3 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô tiếp tục tăng khi căng thẳng địa chính trị và các lệnh trừng phạt của Mỹ gây rủi ro gián đoạn nguồn cung

Tính đến ngày 28/03, giá dầu thô WTI và Brent lần lượt đạt 69,4 và 73,6 USD/thùng, tăng 1,6% và 2,0% sv tuần trước



Tồn kho dầu thô tại Mỹ quay đầu giảm ròng 3,3 triệu thùng vào tuần đầu kết thúc ngày 21/03



- Giá dầu thô ghi nhận tuần tăng thứ ba liên tiếp, trong bối cảnh căng thẳng chính trị và các biện pháp trừng phạt của Mỹ gây rủi ro gián đoạn nguồn cung. Thuế quan của Tổng thống Trump đối với dầu của Venezuela dự kiến sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng suy giảm sản lượng của quốc gia này. Trong khi đó, lệnh trừng phạt đối với dầu Iran, cũng như tình hình căng thẳng giữa Nga-Ukraine và ở Trung Đông, cũng nhấn mạnh áp lực đối với thắt chặt nguồn cung toàn cầu.
- Bên cạnh đó, tồn kho dầu thô của Mỹ (thị trường tiêu thụ dầu thô lớn thứ hai thế giới) trong tuần ghi nhận dữ liệu gần nhất cho thấy mức giảm 3,3 triệu thùng, báo hiệu nhu cầu tiêu thụ mạnh lên.

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2025	1 năm
Dow Jones	Mỹ	-0,96%	-5,15%	-2,26%	4,46%
S&P 500	Mỹ	-1,53%	-6,27%	-5,11%	6,22%
Nasdaq	Mỹ	-2,59%	-8,09%	-10,29%	5,76%
Euro Stoxx 50	EU	-1,65%	-2,36%	8,95%	4,94%
FTSE 100	Anh	0,14%	-1,71%	5,94%	8,88%
Nikkei 225	Nhật Bản	-1,48%	-0,09%	-6,95%	-8,05%
Shanghai	Trung Quốc	-0,40%	0,92%	-0,01%	10,20%
Hang Seng	Trung Quốc	-1,11%	2,12%	16,78%	41,62%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-1,16%	-4,78%	-4,70%	8,17%
SET	Thái Lan	-0,94%	-2,35%	-16,05%	-14,70%
KOSPI	Hàn Quốc	-3,22%	0,99%	6,61%	-6,87%
Malaysia Top 100	Malaysia	0,38%	-3,42%	-9,48%	-1,02%
STI Index	Singapore	1,17%	1,97%	4,88%	23,21%
IDX Composite	Indonesia	4,03%	3,83%	-8,04%	-10,68%
PHS All Shares	Philippine	-1,61%	2,20%	-2,18%	1,65%
VN-Index	Việt Nam	-0,33%	0,93%	4,00%	2,60%

Thị trường chứng khoán Mỹ đã trải qua 1 tuần giao dịch nhiều biến động khi thị trường duy trì sự phục hồi trong các phiên giao dịch đầu tuần, tuy nhiên số liệu PCE tháng 2 tăng nóng hơn dự báo đã khiến thị trường có 1 phiên giảm mạnh vào ngày thứ 6. Kết tuần cả ba chỉ số chính đều giảm trong đó chỉ số Nasdaq giảm mạnh nhất với mức giảm 2,59%, trong khi Dow Jones giảm gần 1% và S&P 500 giảm 1,53%.

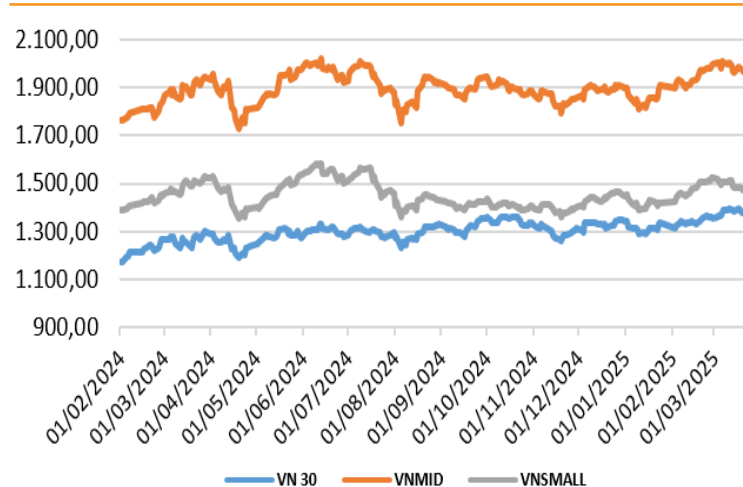
Nhiều thị trường chứng khoán Châu Á cũng ghi nhận 1 tuần giảm điểm, trong đó thị trường Hàn Quốc giảm hơn 3%, các thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc đều ghi nhận mức giảm hơn 1%.

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường tiếp tục điều chỉnh với thanh khoản sụt giảm

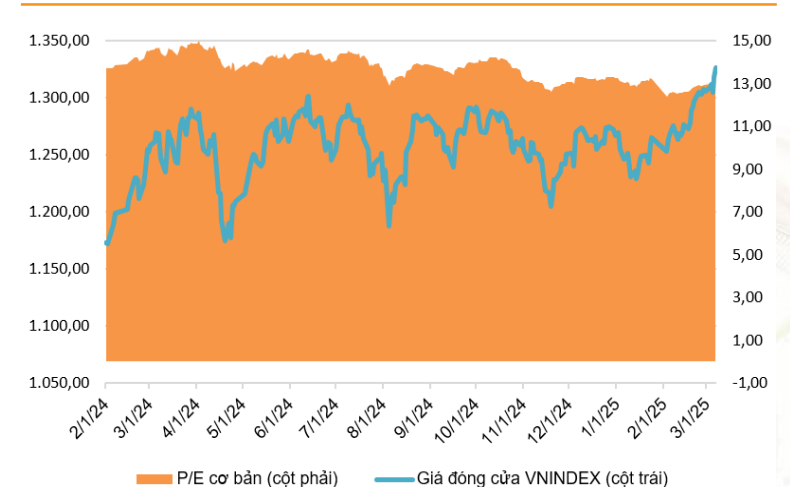
VN-Index tiếp tục điều chỉnh, kết tuần tại mức 1.317,46 điểm, giảm 0,33% sv tuần trước.



Các chỉ số VN30/VNSML/ VNMIID đều giảm, với mức giảm lần lượt là 0,31%/1,24%/0,45%.



P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 13,1x.



- Với 2 phiên tăng điểm và 3 phiên giảm điểm, VN-Index ghi nhận tuần điều chỉnh thứ 2 liên tiếp. Kết tuần VN-index giảm 4,42 điểm (-0,33%) xuống 1.317,46 điểm. Thanh khoản giao dịch tiếp tục sụt giảm, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 661,2 triệu cp/phiên, giảm 12,2% so với tuần trước và thấp hơn 16% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại duy trì bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 2.107 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán duy trì mua ròng với giá trị mua ròng trong tuần trên sàn HOSE là 385 tỷ đồng.
- Các mã VIC và VHM là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 4,58 điểm và 2,9 điểm. Ở chiều ngược lại VCB và FPT là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 2,4 điểm và 1,41 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm 2025 (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	-1,6%	-0,6%	-2,3%	29,6	3,03	-24,2%
Bảo hiểm	0,0%	0,0%	0,0%	15,4	1,57	0,0%
Bất động sản	2,8%	15,6%	20,6%	18,1	1,40	-10,8%
Công nghệ TT	-3,0%	-11,1%	17,5%	23,2	4,58	-33,5%
Dầu khí	-2,1%	-7,0%	-0,7%	25,2	1,26	-14,4%
Dịch vụ tài chính	-0,8%	1,2%	8,2%	18,7	1,49	3,5%
Hóa chất	0,7%	0,2%	7,8%	21,0	2,01	-3,6%
Ngân hàng	-1,2%	0,6%	6,0%	9,9	1,55	-25,7%
Tài nguyên cơ bản	-0,7%	-4,6%	15,4%	21,2	1,52	-13,9%
Thực phẩm&Đồ uống	0,6%	-2,0%	-5,6%	18,17	2,84	-7,9%
Viễn thông	-3,0%	-7,1%	14,9%	32,2	5,96	-24,7%
Xây dựng & Vật liệu	-1,4%	-3,8%	3,5%	19,3	1,47	-18,8%
VN-Index	-0,33%	0,93%	4,00%	13,04	1,70	-12,2%

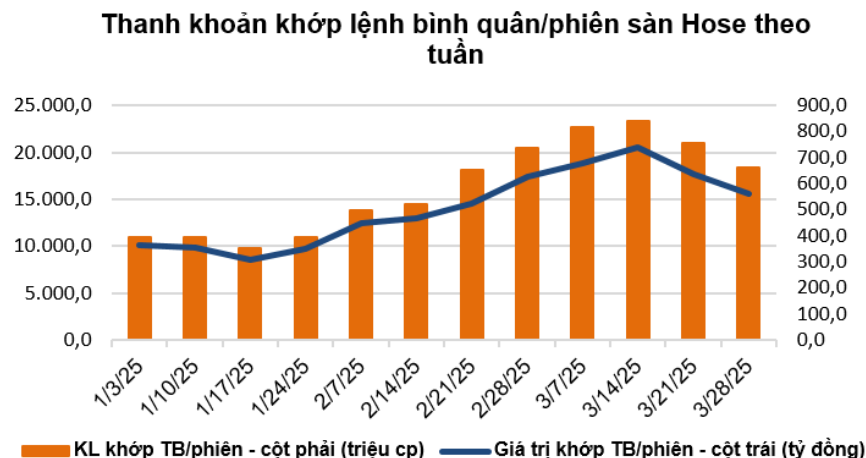
Nhiều nhóm ngành điều chỉnh với thanh khoản sụt giảm.

Nhóm cổ phiếu Ngân hàng ghi nhận 1 tuần điều chỉnh nhẹ sau một nhịp tăng dài dẫn dắt đà tăng của thị trường trước đó, nhiều cổ phiếu giảm điểm trong đó LPB (-3,9%), TPB (-3,7%), HDB (-3,3%), EIB (-2,5%)...Nhóm Bán lẻ cũng tiếp tục có sự điều chỉnh trong đó PNJ (-8,5%), PET (-5,8%), DGW (-3,2%), MWG (-0,8%)...

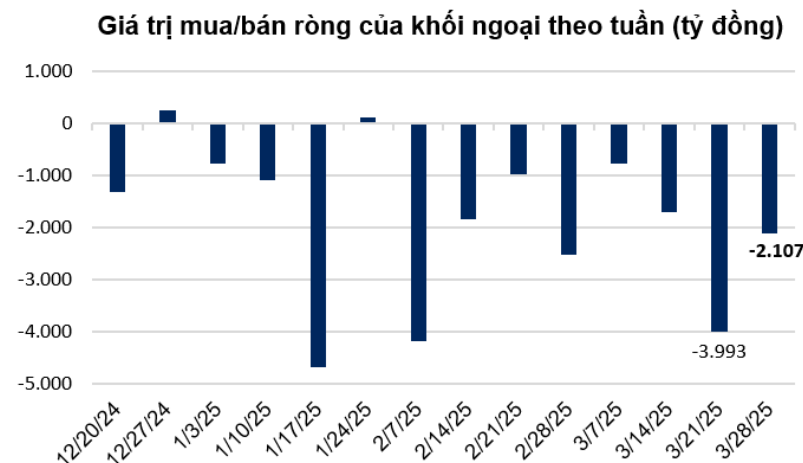
Ở chiều ngược lại, nhóm BĐS có sự phân hóa mạnh khi nhóm cổ phiếu Vingroup duy trì đà tăng với VIC (+9,4%), VHM (+6,1%), VRE (+5,7%), trong khi nhiều cổ phiếu của nhóm này ghi nhận sự điều chỉnh trong đó PDR (-4,9%), NVL (-4,6%), IJC (-3,5%), DXG (-2,7%)...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục sụt giảm và khối ngoại duy trì bán ròng

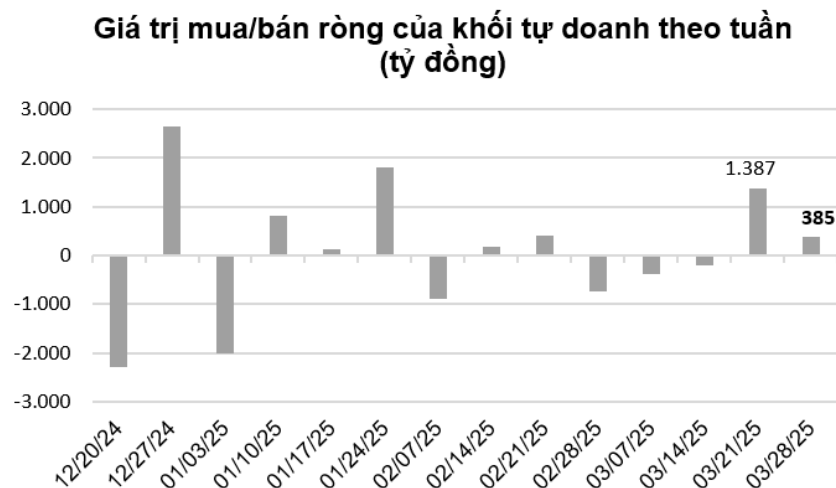
Thanh khoản khớp lệnh tiếp tục sụt giảm, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 661,2 triệu cp/phần, giảm 12,2% sv tuần trước và thấp hơn 16% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



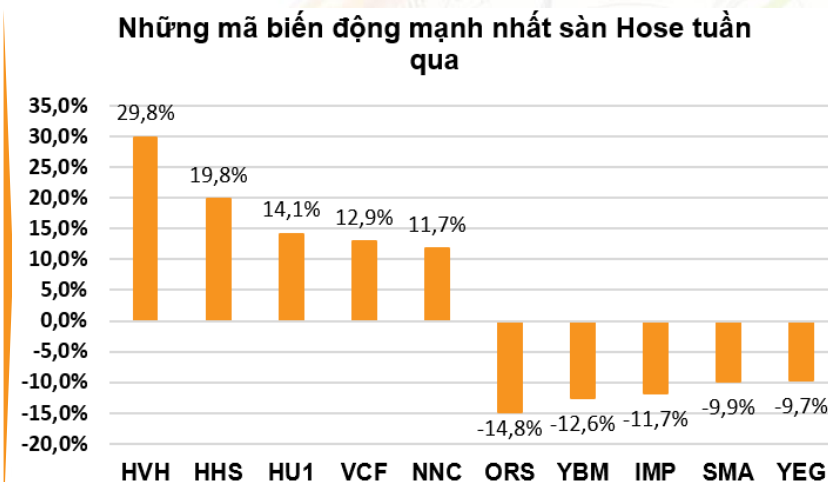
Nhà đầu tư nước ngoài duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là 2.107 tỷ đồng.



Khối tự doanh duy trì mua ròng, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối tự doanh là 385 tỷ đồng.

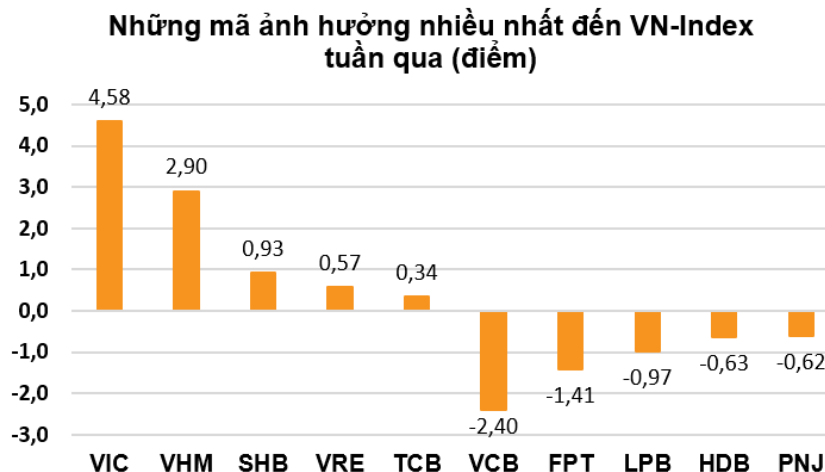


Các cổ phiếu biến động mạnh nhất sàn Hose trong tuần qua (%)

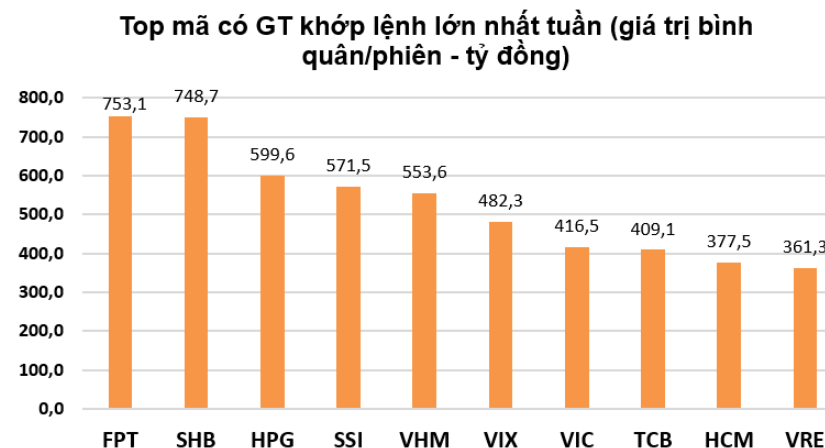


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục sụt giảm và khối ngoại duy trì bán ròng

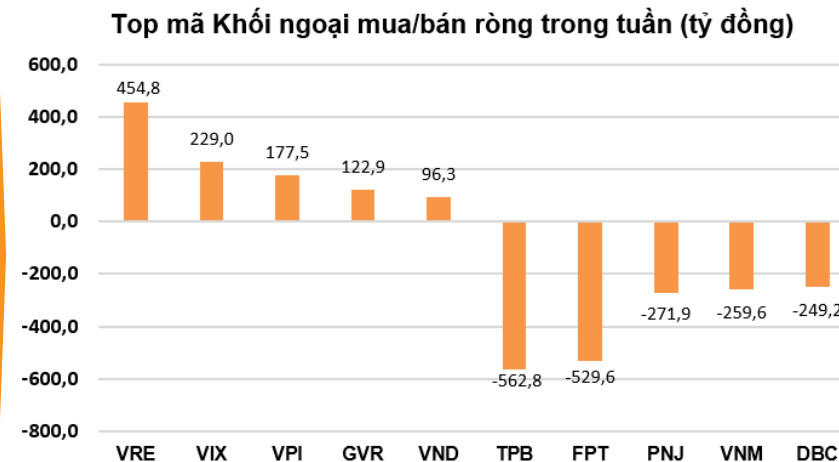
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex – điểm)



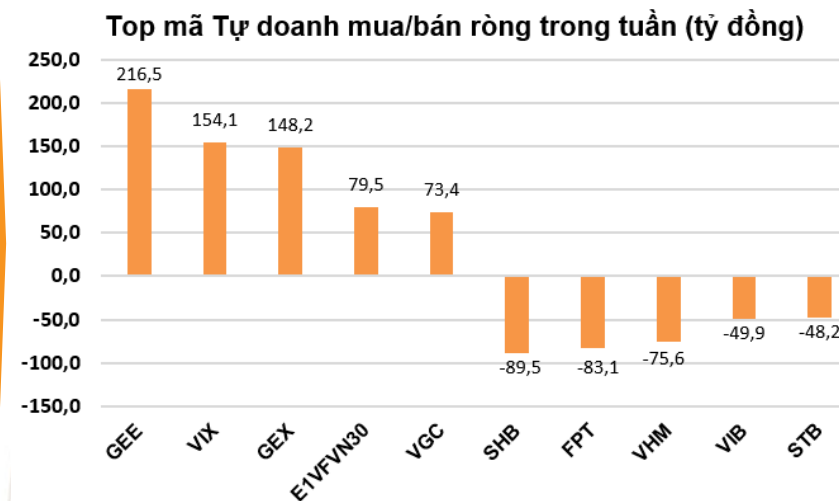
FPT tiếp tục là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp lệnh trung bình là hơn 753 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã SHB và HPG với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 748 tỷ đồng và hơn 599 tỷ đồng



Trong tuần từ 24/03-28/03/2025 VRE là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 454 tỷ đồng. Trong khi TPB là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 562 tỷ đồng.



Trong tuần từ 24/03-28/03/2025 GEE là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 216 tỷ đồng, trong khi SHB là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 89 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	POW	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	2,8%	5,8%	14.900	16,4%
2	PC1	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	-0,9%	-2,7%	27.100	17,8%
3	BMP	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	2,2%	-2,0%	140.000	13,5%
4	VCB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,8%	10,6%	74.800	15,4%
5	HDB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,3%	5,2%	34.900	56,9%
6	MWG	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,8%	-7,8%	72.100	20,6%
7	FPT	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,1%	-14,5%	196.600	58,5%
8	ACV	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	3,4%	-17,2%	133.500	33,4%
9	BCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,4%	7,8%	82.800	6,7%
10	IDC	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,7%	0,4%	62.700	17,2%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
11	HAH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	3,9%	6,7%	55.900	5,9%
12	GMD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-2,4%	-3,3%	73.700	27,1%
13	KDH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,5%	-4,7%	41.300	26,9%
14	PVD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,2%	0,4%	30.900	37,3%
15	PLX	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-3,6%	0,1%	46.100	15,8%
16	DCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-1,0%	0,1%	42.700	26,9%
17	HPG	08/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	0,0%	7,4%	41.000	51,0%
18	KBC	05/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	2,4%	1,3%	40.000	33,8%
19	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-1,6%	-8,1%	82.600	37,0%
20	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-2,5%	1,2%	65.100	37,0%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
21	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	-1,7%	-13,0%	34.000	95,4%
22	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	6,1%	30,3%	66.400	29,7%
23	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-8,5%	-16,0%	114.400	39,5%
24	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-1,3%	1,3%	23.700	23,1%
25	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-4,5%	-20,6%	95.100	35,9%
26	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,8%	-16,1%	35.700	35,5%
27	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	-1,0%	-19,2%	45.800	34,9%
28	STB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	-1,0%	9,8%	41.500	8,5%
29	TPB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	-3,7%	-14,2%	21.000	47,9%
30	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-2,8%	-5,4%	19.500	61,2%

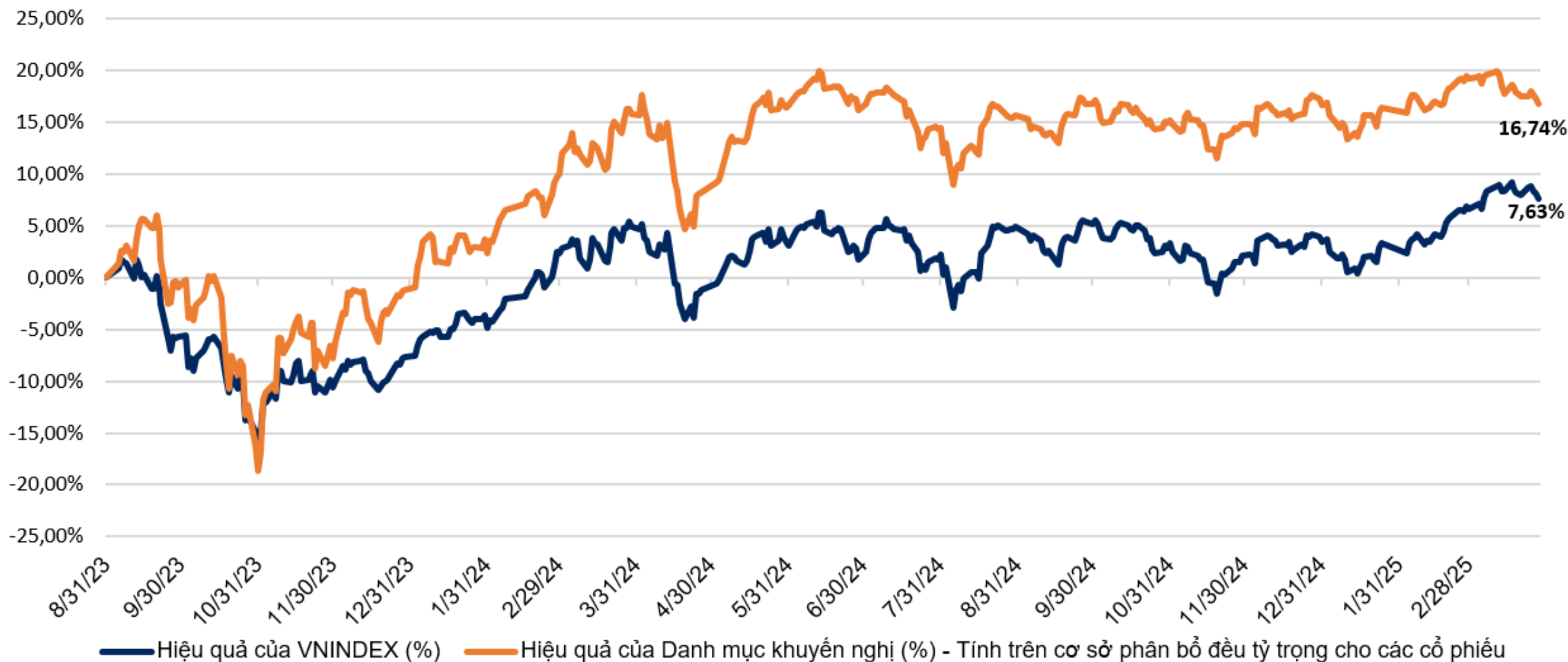
Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
2	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
3	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
4	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
5	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
6	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
7	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
8	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
9	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
10	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
11	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
12	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
13	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
14	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Hoạt động thương mại phục hồi	48.000	14/11/2024
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	26.800	18/12/2024
17	CTD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		78.900	05/02/2025
18	CTG	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24		39.900	07/02/2025
19	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24		61.200	20/02/2025
20	BAF	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		32.000	24/02/2025
21	VIB	05/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024		21.2000	05/03/2025
22	MBB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		24.700	07/03/2025

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH

Email: research@vndirect.com.vn

